

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

**I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN:**

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất
2. Mã chứng khoán: TNC
3. Địa chỉ trụ sở chính: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
4. Điện thoại: 0254.3823119 Fax: 0254.3823120

**II. NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN:**

1. Họ và tên: Nguyễn Nhật Thành Lâm
2. Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
3. Điện thoại: 0254.3823119 Fax: 0254.3823120
4. Loại thông tin công bố: Định kỳ

**III. NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ:**

Báo cáo tài chính quý III năm 2019.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn <http://trc.com.vn/quanhecodong.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TP.Bà Rịa, ngày 18 tháng 10 năm 2019

**Người thực hiện công bố thông tin**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT  
PHÒNG KẾ TOÁN - TÀI VỤ**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ III NĂM 2019**

*BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*

*Kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019*

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>203,820,433,844</b>	<b>175,274,480,407</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>3,710,487,604</b>	<b>31,858,870,992</b>
Tiền	111		3,710,487,604	6,858,870,992
Các khoản tương đương tiền	112		-	25,000,000,000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>160,000,000,000</b>	<b>115,000,000,000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh ngắn hạn (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		160,000,000,000	115,000,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9,424,052,323</b>	<b>11,074,028,442</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		8,310,895,041	7,340,931,392
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		543,681,000	4,068,466,262
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136		5,691,031,957	4,846,186,463
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(5,121,555,675)	(5,181,555,675)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>27,378,274,027</b>	<b>17,248,090,857</b>
Hàng tồn kho	141		27,378,274,027	17,248,090,857
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3,307,619,890</b>	<b>93,490,116</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3,270,022,791	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		37,597,099	93,490,116
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>148,465,878,703</b>	<b>165,700,570,702</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>62,869,787,538</b>	<b>50,136,161,125</b>
Tài sản cố định hữu hình	221		62,798,954,206	50,022,827,792
Nguyên giá	222		132,645,342,523	116,299,311,121
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69,846,388,317)	(66,276,483,329)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		70,833,332	113,333,333
Nguyên giá	228		340,000,000	340,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(269,166,668)	(226,666,667)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>54,693,088,269</b>	<b>66,881,924,323</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		54,693,088,269	66,881,924,323
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>26,811,175,704</b>	<b>46,811,175,704</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26,811,175,704	26,811,175,704
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	20,000,000,000

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4,091,827,192</b>	<b>1,871,309,550</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		3,962,148,171	1,729,630,529
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		129,679,021	141,679,021
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>352,286,312,547</b>	<b>340,975,051,109</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>27,176,801,425</b>	<b>27,203,575,785</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>17,854,622,629</b>	<b>21,203,575,785</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311		1,290,018,302	1,140,746,351
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		632,600,270	632,600,000
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		515,577,441	707,887,210
Phải trả người lao động	314		919,633,938	7,089,961,355
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		187,462,135	1,471,801,823
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		1,985,034,192	1,851,532,438
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		3,000,000,000	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		9,324,296,351	8,309,046,608
Quỹ bình ô giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9,322,178,796</b>	<b>-</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		9,322,178,796	6,000,000,000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>325,109,511,122</b>	<b>313,771,475,324</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>325,109,511,122</b>	<b>313,771,475,324</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		95,474,011,654	94,077,963,251
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		37,135,499,468	27,193,512,073
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	27,193,512,073
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		37,135,499,468	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>

350010  
CÔNG  
CỔ PHẦN  
CAO SU  
THỐNG NHẤT  
1-T. BÀ RỊA

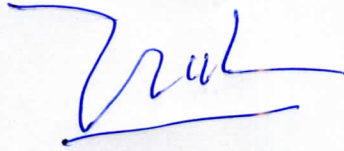
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT  
Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

Mẫu số B 01 - DN  
( Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính )

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

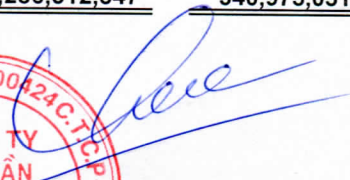
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2019 VND	01/01/2019 VND
Nguồn kinh phí	431			
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>352,286,312,547</b>	<b>340,975,051,109</b>



**TRẦN HỮU TRÍ**  
Kế toán trưởng/Người lập bảng



  
**NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM**  
Tổng Giám đốc  
Bà Rịa, ngày 18 tháng 10 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT  
Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP. Bà Rịa

Mẫu số B 02 - DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	Quý 03		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
			VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		5,857,701,510	16,240,075,506	32,423,620,130	49,406,903,407
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>		<b>5,857,701,510</b>	<b>16,240,075,506</b>	<b>32,423,620,130</b>	<b>49,406,903,407</b>
Giá vốn hàng bán	11		5,249,244,677	15,569,723,028	28,356,475,688	42,716,304,413
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>608,456,833</b>	<b>670,352,478</b>	<b>4,067,144,442</b>	<b>6,690,598,994</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21		2,770,999,275	664,758,908	41,294,893,232	20,420,184,228
Chi phí tài chính	22		-	-	29,150,685	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-	-	-
Chi phí bán hàng	24		15,334,000	101,519,877	63,323,182	196,125,026
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,116,516,039	2,143,099,526	4,525,107,149	6,667,112,345
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>2,247,606,069</b>	<b>(909,508,017)</b>	<b>40,744,456,658</b>	<b>20,247,545,851</b>
Thu nhập khác	31		125,260,000	8,582,247,895	3,086,295,848	9,122,788,183
Chi phí khác	32		2,295,933,271	14,839,850	5,727,897,601	910,937,789
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(2,170,673,271)</b>	<b>8,567,408,045</b>	<b>(2,641,601,753)</b>	<b>8,211,850,394</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>76,932,798</b>	<b>7,657,900,028</b>	<b>38,102,854,905</b>	<b>28,459,396,245</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		49,840,071	1,707,106,448	955,355,437	2,881,432,138
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		3,400,000	7,240,000	12,000,000	11,320,000
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>23,692,727</b>	<b>5,943,553,580</b>	<b>37,135,499,468</b>	<b>25,566,644,107</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1	309	1,929	1,328
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1	309	1,929	1,328

*[Handwritten signature]*

TRẦN HỮU TRÍ

Kế toán trưởng/Người lập bảng

NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM

Tổng Giám đốc

Bà Rịa, ngày 18 tháng 10 năm 2019



## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Quý III Năm 2019

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

##### 1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi là “Công ty”) được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cao su Thống Nhất thành Công ty cổ phần.

Ngày 26 tháng 06 năm 2006. Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000263 và cấp lại mã số doanh nghiệp số 3500100424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần thứ 3 vào ngày 15/7/2016. vốn điều lệ của Công ty là 192.500.000.000 đồng.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh: Nông nghiệp & công nghiệp chế biến

3. **Ngành nghề kinh doanh:** Trồng mới, chăm sóc, khai thác, sơ chế, mua bán cao su; Chế biến, mua bán nông sản, rau quả, thức ăn gia súc, gỗ và các sản phẩm từ gỗ cao su, gỗ rừng trồng; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (San lấp mặt bằng); Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Khai thác vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản (đất, đá, cát); Mua bán phế liệu các loại; mua bán vật tư kim khí, thiết bị ô tô, xe máy, hoá chất (không phải hoá chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông), phân bón và nông lâm sản, cao su; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; Kinh doanh ván Okal, ván MDF, gỗ ván nhân tạo các loại; Kinh doanh ô tô các loại: xe mới 100% và xe đã qua sử dụng.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

##### 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

##### 6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Văn phòng chính của Công ty đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Danh sách các đơn vị trực thuộc Công ty không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

+ Nông trường Cao su Hòa Bình 2 – Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;

+ Đội Cao su Phong Phú - Xã Long Phước, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

+ Nhà máy CB Mủ Cao Su Bàu Non - Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;

+ Đội Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thống Nhất - Xã Đá Bạc, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

+ Xí nghiệp CBNS Phước Hưng – Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

#### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;



## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính V/v Hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp;

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
- Công ty tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung. các đơn vị trực thuộc thực hiện hình thức kế toán báo sổ về Công ty.

#### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 4. Các khoản phải thu

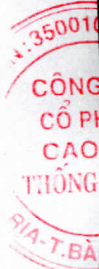
Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

#### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 07 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 07 năm

#### 7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm quản lý vườn cây được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao 06 năm.

#### 8. Xây dựng cơ bản dở dang (“XDCB”)

##### 8.1 Vườn cây cao su

Vườn cây cao su trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su được đưa vào khai thác.

Giá gốc của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định bằng diện tích khai thác nhân với suất đầu tư. Khi thanh lý vườn cây cao su, phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính 20 năm.

##### 8.2 Xây dựng cơ bản dở dang khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành, mua sắm máy móc thiết bị chưa nghiệm thu và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

#### 9. Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

#### 10. Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

#### 11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong năm và được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

#### 12. Quỹ tiền lương

Tiền lương được tính và ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính này căn cứ theo phương án do Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

#### 13. Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

#### 14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

#### Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận trước thuế. Riêng đối với hoạt động sau :

- Hoạt động trồng trọt, chế biến nông sản thực hiện tại Nông trường cao su Hoà Bình 2, Nông trường cao su Phong phú thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Châu Đức và huyện Xuyên Mộc). Công ty có

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận trước thuế.

- Hoạt động trồng trọt chế biến nông sản thực hiện tại Thành phố Bà Rịa không thuộc địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 15% trên lợi nhuận trước thuế.

#### 15. Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba. Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH Hưng Nhơn	Đồng Nai, Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty CP Phát triển Công nghệ và Dịch vụ Sáng Tạo	TP.HCM, Việt Nam	Bên liên quan
Công ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Bách Tùng	Đồng Nai, Việt Nam	Bên liên quan

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ		Số đầu năm
1. Tiền			
- Tiền mặt	387.993.393		604.928.572
- Tiền gửi ngân hàng	3.322.494.211		6.253.942.420
- Các khoản tương đương tiền			25.000.000.000
<b>Tổng cộng:</b>	<b>3.710.487.604</b>		<b>31.858.870.992</b>

a) Chi tiết tiền mặt tại quỹ	VND	Ngoại tệ	Cộng
Tại quỹ Văn phòng công ty	367.869.067		367.869.067
Tại quỹ NTCS Hòa Bình 2	17.505.706		17.505.706
Tại quỹ NTCS Phong Phú	-		-
Tại quỹ Nhà máy SCCS Bàu Non	2.618.620		2.618.620
Tại quỹ Xí nghiệp CBNS Phước Hưng	-		-
<b>Tổng cộng:</b>	<b>387.993.393</b>	-	<b>387.993.393</b>

b) Chi tiết tiền gửi ngân hàng	VND	USD	Cộng
Ngân hàng NN&PTNT Vũng Tàu	591.377.471		591.377.471
HDBank - Chi nhánh Vũng Tàu	1.265.674.509		1.265.674.509
Maritime Bank - Chi nhánh Vũng Tàu	7.055.720		7.055.720
BIVDBank - Chi nhánh tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	1.458.386.511		1.458.386.511
<b>Tổng cộng:</b>	<b>3.322.494.211</b>	-	<b>3.322.494.211</b>

c) Chi tiết các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ		Số đầu năm
--	------------	--	------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2019**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Tiền gửi kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	-	25.000.000.000
<b>Tổng cộng:</b>	-	<b>25.000.000.000</b>

2. Các khoản đầu tư tài chính	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>a) Chứng khoán kinh doanh</b>						
<b>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
<b>b1) Ngắn hạn</b>	160.000.000.000	160.000.000.000		115.000.000.000	115.000.000.000	
- Tiền gửi có kỳ hạn	160.000.000.000	160.000.000.000		115.000.000.000	115.000.000.000	
<b>b2) Dài hạn</b>						
- Tiền gửi có kỳ hạn						
<b>c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác (*)	26.811.175.704			26.811.175.704		

(\*) Đây là khoản vốn góp trong Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Bà Rịa (Bariaserece) là 1.796.000 USD tương đương với 26.811.175.704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ công ty này.

<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>8.310.895.041</b>	<b>4.793.735.675</b>	<b>7.340.931.392</b>
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.119.180.000	4.119.180.000	4.129.180.000
Đỗ Thị Ngọc Lệ	4.698.500		
Nguyễn Thị Nhân	5.851.200		
Công ty TNHH QUILON VN			1.483.989.051
Công ty TNHH MTV Phạm Công Bình			116.821.500
Công ty TNHH TMDVXNK Hồng Thái Dương	3.143.898.500		
DNTN TM Tuyết Sơn			152.190.000
Công ty TNHH Thành Lợi	362.711.166		412.711.166
Công ty TNHH Phát Triển Thái Dương			311.484.000
Các khách hàng là Đại lý bán cám	674.555.675	674.555.675	734.555.675
<b>b) Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-		-
<b>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>			
<b>Tổng cộng:</b>	<b>8.310.895.041</b>	<b>4.793.735.675</b>	<b>7.340.931.392</b>

4. Trả trước cho người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>543.681.000</b>	<b>4.068.466.262</b>
Công ty CP Đất Đỏ	340.000.000	340.000.000
Công ty TNHH Xây Dựng Xuân Thọ		217.450.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2019**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Công ty TNHH SX và TM Vôi Hà Nam	32.000.000		
Công ty Cổ phần Vải Địa kỹ thuật Việt Nam			267.300.000
Cơ Khí Thanh Hải	171.681.000		
Công nghệ và thiết bị tươi Netafim Viễn Nam			2.695.956.262
Công ty Cổ phần công nghệ Gen - Việt Tất Thành			527.760.000
Cơ sở thanh Phụng			20.000.000
<b>b. Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-		-
<b>c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	-		-
<b>Tổng cộng:</b>	<b>543.681.000</b>		<b>4.068.466.262</b>

5. Phải thu khác	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>5.691.031.957</b>	<b>317.820.000</b>	<b>4.846.186.463</b>	<b>317.820.000</b>
Công ty TNHH Phát Hưng Tây Ninh	317.820.000	317.820.000	317.820.000	317.820.000
Phải thu bảo hiểm người lao động	469.117.515		268.815.636	
Phải thu thuế TNCN người lao động	88.620.553		20.962.495	
Lãi tiền gửi phải thu	4.362.888.889		3.729.208.332	
Phải thu phụ cấp HĐQT & Ban Kiểm soát	277.000.000		388.000.000	
Phải thu tiền tạm ứng người lao động	74.585.000		66.900.000	
Tiền ký quỹ (TK 2441)	5.000.000		5.000.000	
Phải thu khác XNNS Phước Hưng	75.000.000		7.000.000	
Phải thu khác (Quý đến ơn đáp nghĩa, người nghèo)	21.000.000		42.480.000	
<b>b) Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng cộng:</b>	<b>5.691.031.957</b>	<b>317.820.000</b>	<b>4.846.186.463</b>	<b>317.820.000</b>

6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>5.121.555.675</b>		<b>5.181.555.675</b>	
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.447.000.000		4.447.000.000	
Dương Thị Yến	53.000.000		53.000.000	
Lê Ngọc Tùng	54.364.340		82.364.340	
Dương Minh Chiến	39.879.160		40.879.160	
Nguyễn Văn Phước	6.550.000		6.550.000	
Lê Thị Trúc Lệ	59.115.235		59.115.235	
TT Khuyến Nông	8.320.000		8.320.000	
Nguyễn Thanh Tự	58.300.000		58.300.000	
Anh Hoàng - Long Phước	2.933.500		2.933.500	
Nguyễn Thị Hồng Phượng	246.776.700		246.776.700	
Nguyễn Thanh Quang	10.450.000		12.450.000	
Phạm Ngọc Dũng	9.866.740		13.866.740	
Dương Văn Lợi	125.000.000		150.000.000	
<b>b. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi</b>	-	-	-	-
<b>c. Dự phòng phải thu khó đòi là các bên liên</b>	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2019**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

quan			
<b>Tổng cộng:</b>	<b>5.121.555.675</b>		<b>5.181.555.675</b>

7. Tài sản thiếu chờ xử lý	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Tổng cộng:</b>				

8. Nợ xấu	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đối tượng nợ
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
<b>Tổng cộng:</b>					

9. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường	-	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	3.224.798.991		1.442.193.788	
- Công cụ, dụng cụ	989.973.274		619.396.298	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.033.934.503		1.034.132.591	-
- Thành phẩm	15.129.567.259		14.152.368.180	
- Hàng hoá		-	-	-
<b>Tổng cộng:</b>	<b>27.378.274.027</b>	<b>-</b>	<b>17.248.090.857</b>	

10. Tài sản dở dang dài hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn</b>		-	<b>1.026.870.831</b>	-
Chi phí trồng tre và chuối tại PP&NTCS Hoà Bình 2			957.301.906	
Chi phí trồng keo lai tại NTCS Phong Phú			69.568.925	
<b>b) Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>54.693.088.269</b>	-	<b>66.881.924.323</b>	-
Vườn cây cao su tại NTCS Phong Phú	7.029.805.808		8.409.158.914	
Vườn cây cao su tại NTCS Hoà Bình	47.043.481.721		57.667.587.030	
Vườn cây Mít	619.800.740			
Chi phí mua sắm dở dang tại Đội NNUDCNC Thống Nhất			805.178.379	
<b>Tổng cộng:</b>	<b>54.693.088.269</b>	<b>-</b>	<b>67.908.795.154</b>	

**11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2019**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>Vườn cây cao su</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	41.505.252.337	22.483.315.914	6.489.832.989	969.260.693	44.174.273.206	115.621.935.139
- Mua trong năm	4.394.419.037	105.000.000				4.499.419.037
- Đầu tư XDCB hoàn thành					13.411.555.493	13.411.555.493
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán	547.601.572					547.601.572
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	45.352.069.802	22.588.315.914	6.489.832.989	969.260.693	57.585.828.699	132.985.308.097
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	36.496.431.361	16.210.709.548	3.269.782.402	884.260.695	11.780.709.012	68.641.893.018
- Khấu hao trong năm	539.419.287	302.442.473	141.715.943	14.166.667	761.298.505	1.759.042.875
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán	285.415.334					285.415.334
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	36.750.435.314	16.513.152.021	3.411.498.345	898.427.362	12.542.007.517	70.115.520.559
<b>Giá trị còn lại</b>						
- Tại ngày đầu năm	5.008.820.976	6.272.606.366	3.220.050.587	84.999.998	32.393.564.194	46.980.042.121
- Tại ngày cuối năm	8.601.634.488	6.075.163.893	3.078.334.644	70.833.331	45.043.821.182	62.869.787.538

**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

	<i>Chương trình phần mềm</i>
	<i>VND</i>
<b>Nguyên giá</b>	340.000.000
Số dư đầu năm	
Số dư cuối kỳ	340.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	269.166.668
Số dư đầu năm	226.666.667
- Khấu hao trong năm	42.500.001
Số dư cuối kỳ	269.166.668
<b>Giá trị còn lại</b>	
- Tại ngày đầu năm	113.333.333
- Tại ngày cuối kỳ	70.833.332



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2019**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

13. Chi phí trả trước	Số đầu năm	Số tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối kỳ
<b>a. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>7.424.942.672</b>	<b>4.177.521.405</b>	<b>8.332.441.286</b>	<b>3.270.022.791</b>
Khấu hao tài sản cố định chờ phân bổ	1.629.205.106	1.265.828.693	1.720.238.355	1.174.795.444
Chi phí tiền thuê đất nông nghiệp chờ phân bổ	2.578.178.137	417.794.983	2.826.645.957	169.327.163
Chi phí bảo hiểm phải nộp chờ phân bổ	679.791.600	578.255.187	892.706.982	365.339.805
Chi phí khác ( Chi phí vật tư. CCDC chờ phân bổ. chi phí khác bằng tiền...)	2.537.767.829	1.915.642.542	2.892.849.992	1.560.560.379
<b>b. Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>3.757.155.904</b>	<b>1.135.942.876</b>	<b>930.950.609</b>	<b>3.962.148.171</b>
Chi phí sửa chữa TSCĐ. CCDC xuất dùng	3.757.155.904	1.135.942.876	930.950.609	3.962.148.171
<b>Tổng cộng:</b>	<b>11.182.098.576</b>	<b>5.313.464.281</b>	<b>9.263.391.895</b>	<b>7.232.170.962</b>

14. Tài sản khác	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Ngắn hạn:</b>	-	-
- Thuế GTGT được khấu trừ		
<b>b) Dài hạn</b>	<b>129.679.021</b>	<b>141.679.021</b>
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	129.679.021	141.679.021
+ Trích chi phí thực hiện trích đo. lập bản đồ địa chính theo HD 01/2015/ĐĐ-TN		
+ Lập dự phòng nợ phải thu khó đòi - Đại lý Nhà máy CB thức ăn chăn nuôi Hưng Long	129.679.021	141.679.021
<b>Tổng cộng:</b>	<b>129.679.021</b>	<b>141.679.021</b>

15. Phải trả người bán	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>1.290.018.302</b>	<b>1.290.018.302</b>	<b>1.140.746.351</b>	<b>1.140.746.351</b>
C ty TNHH TM DV Hoàng Huy Nguyễn	9.278.500	9.278.500	9.278.500	9.278.500
Công ty TNHH XD Mỹ Khánh Nguyễn Thị Hạnh			114.000	114.000
Nguyễn Thị Tuyết			56.744.471	56.744.471
Nguyễn Thị Tuyết			205.380.287	205.380.287
Nguyễn thị Thu Hồng	51.787.347	51.787.347	31.470.377	31.470.377
Bùi thị Tuyết Nhung	14.478.211	14.478.211	15.482.634	15.482.634
Công ty TNHH TM Dịch vụ Hai Sơn	460.752.515	460.752.515	581.914.801	581.914.801
Công ty CP Thương Mại XNK VNT				
Công ty TNHH Phân Bón Duy Thiên	100.000.000	100.000.000		
Công ty TNHH Dương Đông Vũng Tàu	289.800.000	289.800.000		
Công ty TNHH TM Hưng Phát Thành	175.245.000	175.245.000		
Nguyễn Thị Hồng Minh	5.945.363	5.945.363		
Nguyễn Thị Hồng Đăng	3.892.186	3.892.186		
Nguyễn Thị Biết	126.880.000	126.880.000		

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2019**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Phạm thị Phương	16.179.000	16.179.000		
Đội Cao Su Phong phú			9.722.045	9.722.045
Huỳnh thanh Hương	690.795	690.795	9.391.519	9.391.519
Huỳnh thị Mỹ Dung	35.089.385	35.089.385	12.495.717	12.495.717
Công ty TNHH QUILON VN			103.680.000	103.680.000
Công ty CP Cao su Bà Rịa			25.872.000	25.872.000
DNTN Đại Hoàng Lâm			79.200.000	79.200.000
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>				
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
<b>d) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết cho từng đối tượng)</b>				

<b>16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>
Công ty CP TM-DV-DL Cao su	632.600.270		632.600.000
<b>Tổng cộng:</b>	<b>632.600.270</b>		<b>632.600.000</b>

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	124.921.242	114.670.372	124.921.242	114.670.372
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế Xuất nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	480.050.434	85.637.715	595.810.510	(30.122.361)
Thuế thu nhập cá nhân (*)	32.118.412	23.495.997	63.089.147	(7.474.738)
Thuế tài nguyên	184.640	2.352.320	1.725.120	811.840
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.962.299.898	456.357.983	4.018.562.652	400.095.229
Thuế bảo vệ môi trường				
Các loại thuế khác		-	-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		-	-	
<b>Tổng cộng:</b>	<b>4.599.574.626</b>	<b>682.514.387</b>		<b>477.980.342</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Thuế và các khoản phải thu nhà nước</i>	<i>37.597.099</i>			
<i>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</i>	<i>515.577.441</i>			

<b>18. Phải trả người lao động</b>	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>
Tiền lương còn lại phải trả	919.633.938		7.089.961.355
<b>Tổng cộng:</b>	<b>919.633.938</b>		<b>7.089.961.355</b>

<b>19. Chi phí phải trả</b>	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>
-----------------------------	-------------------	--	-------------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2019**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>187.462.135</b>	<b>1.471.801.823</b>
Tiền ăn giữa ca		
- Đội cao su Phong Phú	65.408.877	40.119.306
- NTCS Hòa Bình	101.671.457	62.040.000
- Nhà máy CBM Bàu Non	20.381.801	23.727.318
Tiền thuê đất chưa quyết toán		1.298.415.199
Chi phí kiểm toán BCTC		47.500.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng:</b>	<b>187.462.135</b>	<b>1.471.801.823</b>

<b>20. Phải trả khác</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.985.034.192</b>	<b>1.851.532.438</b>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	282.588.250	282.588.250
Công ty TNHH TK XD Núi Đất	42.000.000	42.000.000
Công ty TNHH XD TM DV ĐT Trần Văn	21.700.000	21.700.000
Công ty TNHH An Hạ	49.200.000	49.200.000
DNTN Lê Lê Khánh	25.000.000	25.000.000
Công ty TNHH Hoàng Diệp	16.695.000	16.695.000
DNTN Dương Hải	3.135.000	3.135.000
Công ty TNHH TM DV KT Thuận Phong	60.000.000	60.000.000
Cty TNHH MTCL Sài Gòn	14.858.250	14.858.250
Lê Quốc Tuấn	50.000.000	50.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Xuân Thọ	107.470.450	67.750.000
Công ty TNHH MTV Cơ Khí BK	39.622.000	39.622.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.259.467.218	1.212.323.468
Viện điều dưỡng Nông nghiệp (NT Cà phê)	247.426.902	247.426.902
Các khoản phải nộp khác	48.459.372	1.821.818
<b>b) Dài hạn</b>	<b>9.322.178.796</b>	<b>6.000.000.000</b>
- Lãi vay		
Công ty TNHH Phát Triển Thái Dương	9.322.178.796	6.000.000.000
<b>Tổng cộng:</b>	<b>11.311.807.713</b>	<b>7.851.532.438</b>

<b>21. Vay và nợ thuê tài chính</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>

<b>22. Dự phòng nợ phải trả</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>Số cuối năm</b>
	-	-		-
<b>Tổng cộng:</b>	-	-		-

<b>23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>Sử dụng quỹ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2019**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

			trong kỳ	
Quỹ khen thưởng	6.798.588.049	3.410.981.835	2.404.800.000	7.804.769.884
Quỹ phúc lợi	1.510.458.559	3.410.981.835	3.401.913.927	1.519.526.467
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ		-		-
Quỹ khen thưởng ban quản lý. điều hành công ty				-
<b>Tổng cộng:</b>	<b>8.309.046.608</b>	<b>6.821.963.670</b>	<b>5.806.713.927</b>	<b>9.324.296.351</b>

**24. Vốn chủ sở hữu**

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>192.500.000.000</b>	<b>91.957.636.159</b>	<b>22.975.515.092</b>	<b>307.433.151.251</b>
- Lãi trong năm nay			26.753.456.062	26.753.456.062
- Lỗ trong năm nay				-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển		1.060.327.092	(1.060.327.092)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng. Phúc lợi				-
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành			(6.036.588.000)	(6.036.588.000)
- Chia cổ tức			(15.400.000.000)	(15.400.000.000)
- Phụ cấp HĐQT & Ban KS			(78.600.000)	(78.600.000)
- Giám khác			(400.000.000)	(400.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>192.500.000.000</b>	<b>93.017.963.251</b>	<b>26.753.456.062</b>	<b>312.271.419.313</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>192.500.000.000</b>	<b>94.077.963.251</b>	<b>27.193.512.073</b>	<b>313.771.475.324</b>
- Lãi trong năm nay			37.135.499.468	37.135.499.468
- Lỗ trong năm nay				-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển		1.396.048.403	(1.396.048.403)	-
- Giảm quỹ đầu tư phát triển				-
- Trích lập quỹ khen thưởng. Phúc lợi			(6.821.963.670)	(6.821.963.670)
- Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành			(144.000.000)	(144.000.000)
- Chia cổ tức			(18.287.500.000)	(18.287.500.000)
- Phụ cấp HĐQT & Ban KS			(544.000.000)	(544.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>192.500.000.000</b>	<b>95.474.011.654</b>	<b>37.135.499.468</b>	<b>325.109.511.122</b>

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (51%)	98.175.000.000	98.175.000.000
- Cổ đông khác (49%)	94.325.000.000	94.325.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2019**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

<b>Cộng</b>	<b>192.500.000.000</b>		<b>192.500.000.000</b>
-------------	------------------------	--	------------------------

<b>c) Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.250.000		19.250.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.250.000		19.250.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19.250.000</i>		<i>19.250.000</i>
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)			
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>			
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.250.000		19.250.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>19.250.000</i>		<i>19.250.000</i>

\* **Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND**

<b>25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán</b>	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>
Tài sản nhận giữ hộ			
Ngoại tệ (USD)			
Nợ khó đòi đã xử lý			

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

<b>1. Tổng Doanh thu</b>	<b>Quý 03</b>		<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Doanh thu bán mũ cao su		6.695.776.500	21.037.335.000	34.423.732.150
Doanh thu bán mũ thu mua tiêu diêm	4.094.495.000	5.546.973.500	5.787.560.000	5.551.481.900
Doanh thu bán điều thứ phẩm		41.716.667	26.852.380	43.375.007
Doanh thu gia công điều		2.576.307.339	2.606.583.739	6.987.245.850
Doanh thu bán vỏ điều		509.767.500	301.182.500	1.528.534.500
Doanh thu khác			114.270.001	3.000.000
Doanh thu bán chuối xen canh HB2	28.260.000	869.534.000	814.890.000	869.534.000
Doanh thu bán chuối Hợp tác Kinh Doanh	1.734.946.510		1.734.946.510	
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.857.701.510</b>	<b>16.240.075.506</b>	<b>32.423.620.130</b>	<b>49.406.903.407</b>

<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>Quý 03</b>		<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chiết khấu thương mại	-	-	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

<b>3. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Quý 03</b>		<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2019**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Giá vốn bán mũ cao su		6.766.108.236	17.738.944.906	29.268.788.958
Giá vốn bán mũ thu mua tiêu điền	3.922.624.927	5.359.705.793	5.357.432.918	5.363.047.313
Giá vốn bán điều thứ phẩm			41.296.640	85.442.930
Giá vốn gia công điều		2.534.733.199	3.128.649.794	6.618.503.573
Giá vốn bán vỏ điều		264.120.000	199.320.000	730.625.714
Giá vốn khác			112.543.680	53.433.725
Giá vốn phơi điều.điều thứ Phẩm		48.593.600		
Giá vốn bán chuối	29.200.000	596.462.200	480.868.000	596.462.200
Giá vốn bán chuối hợp tác kinh doanh	1.297.419.750		1.297.419.750	
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.249.244.677</b>	<b>15.569.723.028</b>	<b>28.356.475.688</b>	<b>42.716.304.413</b>
Dự phòng (hoàn) giảm giá hàng tồn kho				
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.249.244.677</b>	<b>15.569.723.028</b>	<b>28.356.475.688</b>	<b>42.716.304.413</b>

<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính:</b>	<b>Quý 03</b>		<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.770.999.275	664.758.908	7.814.892.993	5.141.725.928
Cổ tức, lợi nhuận được chia			33.480.000.239	15.278.458.300
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.770.999.275</b>	<b>664.758.908</b>	<b>41.294.893.232</b>	<b>20.420.184.228</b>

<b>5. Chi phí tài chính:</b>	<b>Quý 03</b>		<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền vay				
Chi phí tài chính khác				
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

<b>6. Chi phí bán hàng</b>	<b>Quý 03</b>		<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí kiểm phẩm mũ cao su và bóc xếp	15.334.000	101.519.877	63.323.182	196.125.026
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.334.000</b>	<b>101.519.877</b>	<b>63.323.182</b>	<b>196.125.026</b>

<b>7. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Quý 03</b>		<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân viên	585.995.447	1.696.570.292	2.431.268.520	5.042.506.496
Khấu hao tài sản cố định	122.369.686	102.556.222	367.109.058	253.061.461
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn		41.792.583	26.259.173	141.474.731
Chi phí trợ cấp mất việc làm	61.945.000	69.398.800	460.668.618	281.013.414
Thuế, phí và lệ phí				4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài .chi phí khác bằng tiền	363.205.906	327.981.629	1.291.448.196	1.209.679.126

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2019**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu	(17.000.000)	(95.200.000)	(50.000.000)	(105.600.000)
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.116.516.039</b>	<b>2.143.099.526</b>	<b>4.526.753.565</b>	<b>6.826.135.228</b>
Các khoản giảm trừ chi phí quản lý			1.646.416	159.022.883
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.116.516.039</b>	<b>2.143.099.526</b>	<b>4.525.107.149</b>	<b>6.667.112.345</b>

8. Thu nhập khác	Quý 03		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản cố định(Cây cao su)	95.550.000	11.080.640.000	4.637.591.500	11.119.040.000
Thu từ bán tài sản cố định				318.181.819
Thu từ bán mũ bọt nhà máy	21.250.000	22.440.000	40.750.000	30.075.000
Thu khác	8.460.000	121.818.182	121.456.897	298.141.651
Giảm trừ thu nhập khác (gia trị còn lại vườn cây cao su)		(2.642.650.287)	(1.713.502.549)	(2.642.650.287)
<b>Tổng cộng</b>	<b>125.260.000</b>	<b>8.582.247.895</b>	<b>3.086.295.848</b>	<b>9.122.788.183</b>

9. Chi phí khác	Quý 03		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý			77.185.600	
Chi phí khấu hao tài sản không liên quan	10.279.336	14.839.850	30.838.007	14.979.257
Gia trị còn lại thanh lý TSCĐ	262.186.238		1.795.251.745	
Chi phí khác	2.023.467.697		3.824.622.249	895.958.532
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.295.933.271</b>	<b>14.839.850</b>	<b>5.727.897.601</b>	<b>910.937.789</b>

10. Lãi trên cổ phiếu	Quý 03		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	28.174.002	5.943.553.580	37.135.499.468	25.566.644.107
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	28.174.002	5.943.553.580	37.135.499.468	25.566.644.107
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.250.000	19.250.000	19.250.000	19.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1	309	1.929	1.328

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Quý 03		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.363.723.815	5.718.558.451	10.087.871.374	10.145.827.407
- Chi công cụ dụng cụ	514.113.469	335.635.209	1.780.847.911	1.472.500.327
- Chi phí nhân công	7.671.713.461	9.583.356.669	14.448.737.075	19.034.220.267
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.426.602.061	2.201.910.916	4.117.823.254	3.535.346.401
- Chi phí khác bằng tiền	7.131.047.802	8.201.919.345	15.778.530.342	13.747.552.139
<b>Cộng</b>	<b>24.107.200.608</b>	<b>26.041.380.590</b>	<b>46.213.809.956</b>	<b>47.935.446.541</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2019

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2019

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ:

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: Không
3. Thông tin về các bên liên quan:

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên HĐQT. Ban kiểm toán nội bộ. Ban Tổng Giám đốc. Kế toán trưởng thực nhận trong kỳ.

Thu nhập	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này				
	Số lượng	Tiền lương	Thưởng	Phụ cấp	Cộng (VNĐ)
- Hội đồng quản trị. Ban kiểm toán nội bộ. thư ký HĐQT.	09			310.500.000	310.500.000
- Ban Giám đốc. Kế toán trưởng	03	769.500.000	144.000.000		913.500.000
<b>Cộng</b>		<b>769.500.000</b>	<b>144.000.000</b>	<b>310.500.000</b>	<b>1.224.000.000</b>

#### *Giao dịch với các bên có liên quan*

Căn cứ tại Điểm 1.1 Khoản 1. Điều 7 và Điểm 3.1. Khoản 3. Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu với các bên liên quan:

Nội dung nghiệp vụ	Mối quan hệ	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (đồng)
- Công ty bán cây cao su gây đũa cho Công ty TNHH Hưng Nhơn	Cổ đông lớn. Vợ của thành viên HĐQT là Giám đốc Công ty.	154.390.000
- Công ty mua phân hữu cơ vi sinh của Công ty TNHH Phân bón hữu cơ Bách Tùng	Giám đốc là thành viên HĐQT Công ty.	499.362.000

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận: Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất được tổ chức 02 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là:

- Văn phòng công ty bao gồm Nông trường cao su Hoà Bình 2; Đội cao su Phong Phú; Nhà máy chế biến mủ cao su Bàu Non. Đội Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thống Nhất : Chuyên khai thác, sơ chế, kinh doanh cao su...

- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng: Sơ chế; kinh doanh hạt điều; gia công điều nhân



